TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/DS-ST
Ngày 28-5-2026
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dung

2. Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải Hoa - Thư ký Toà án khu vực 2-Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/TB-TA ngày 18 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở: Số B N, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Minh Á, sinh năm 2000, căn cước công dân số 033300001634– Chuyên viên xử lý nợ (theo giấy ủy quyền số 3143/UQ-CNTL.24 ngày 20/8/2022); địa chỉ: Số B N, phường C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968, căn cước công dân số 031168002584; nơi cư trú: Thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng.

Các bên đương sự bà Lê Minh Á, bà Nguyễn Thị N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng và bà Nguyễn Thị N đã ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: 078/2024/HĐTD/PVB-CNHP-PGDLHP ngày 05/02/2024 với các điều khoản như sau:

- Khoản vay trả góp: Phương thức cho vay, thẻ tín dụng; hạn mức: 30.000.000đồng, thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: Tiêu dùng, phương thức trả nợ: Trả nợ gốc : Bên Vay phải trả đều nợ gốc làm 36 kỳ vào ngày 05 hàng tháng. Mỗi kỳ có thời hạn là 01 tháng, ngày kết thúc kỳ cuối cùng là ngày kết thúc thời hạn cho vay. Trả nợ lãi: thực hiện trả lãi vào ngày 05 hàng tháng cùng với ngày trả nợ gốc. Số tiền lãi của kỳ lãi cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng. Phí, phí trả nợ trước hạn và loại Phí khác: áp dụng theo quy định của P từng thời kỳ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: từ ngày 05/02/2024 đến ngày 04/05/2024, lãi suất bằng 18 %/năm. Từ ngày 05/05/2024, lãi suất được điều chỉnh từng thời kỳ; lãi suất trong hạn: 18 %/năm, lãi suất quá hạn: 27 %/năm.

- Khoản vay thấu chi: Hợp đồng tín dụng số 078/2024/HĐTD/PVB-CNHP-PGDLHP ngày 05/02/2024, số tiền vay là 10.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Tiêu dùng, Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc bên vay nộp tiền mặt/chuyển khoản vào tài khoản thấu chi hoặc ngân hàng trích tiền từ TK 107002351992 của bên vay để thu nợ trên cơ sở bên vay đã đăng ký dịch vụ thu nợ thấu chi tự động theo quy định của ngân hàng; Trả nợ lãi: thời hạn tính lãi của khoản vay thấu chi được tính từ ngày phát sinh giao dịch được trả định kỳ vào ngày 05 hàng tháng (ngày trả lãi thấu chi trong kỳ). Phí, phí trả nợ trước hạn và loại phí khác: áp dụng theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ; Lãi suất thấu chi trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 19,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/ lần kể từ ngày ký Hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân và cấp hạn mức cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 40.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị N mới thanh toán được cho ngân hàng tổng số tiền 1.263.041đồng của hai hợp đồng, trong đó số tiền nợ gốc 834.000đồng và số tiền lãi: 429.041đồng. Kể từ ngày 05/4/2024, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến hết ngày 28/5/2026 bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vay của hai khoản vay là 60.285.201đồng, trong đó: khoản vay trả góp nợ gốc 29.166.000đồng, nợ lãi 14.870.542đồng; khoản vay thấu chi: nợ gốc: 10.000.000đồng, nợ lãi 6.248.659đồng.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu ngân hàng đã yêu cầu ở trên. Bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng hai bên đã ký

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N đến Tòa án để trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nhưng bà N không hợp tác, không có quan điểm gửi Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán khoản nợ cho ngân hàng số tiền gốc còn nợ 39.166.000đồng và số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng, hai bên đã ký tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm. bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi trên số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tống đạt các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị N tại phiên tòa lần hai bà N vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án bà N không có quan điểm trình bày về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nhưng căn cứ lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp xác định Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: 078/2024/HĐTD/PVB-CNHP-PGDLHP ngày 05/02/2024 được hai bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm

quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, khbà trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân và cấp hạn mức cho bà N vay số tiền theo đúng hợp đồng hai bên đã ký 40.000.000đồng nhưng bà N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện ra Tòa án là có căn cứ.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc và lãi:

[6] Về khoản nợ gốc: Bà Nguyễn Thị N không có quan điểm trình bày về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng căn cứ các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng cung cấp xác định số tiền nợ gốc ngân hàng đã giải ngân cho bà N vay là 40.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N mới thanh toán được cho ngân hàng số tiền nợ gốc 834.000đồng Như vậy, số tiền nợ gốc bà N còn phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng là 39.166.000đồng (trong đó khoản vay trả góp là 29.166.000đồng; khoản vay thấu chi: 10.000.000đồng). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc bà N phải trả khoản tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về khoản tiền lãi: Tại Hợp đồng tín dụng, bộ điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành sử dụng thẻ tín dụng các bên đã thỏa thuận thanh toán lãi đều trả đều vào ngày 05 hàng tháng, lãi suất của khoản vay trả góp: Tính từ ngày 29/02/2024 đến ngày 28/5/2024 là 18%/năm được điều chỉnh 03 tháng 01 lần; lãi suất trong hạn 17,5%/năm, lãi suất quá hạn: 26,25%/năm. Lãi suất của khoản vay thấu chi: Lãi suất trong hạn 19,5%/năm được điều chỉnh 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn: 26,25%/năm. Điều 6 của Hợp đồng tín dụng quy định Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn khi bên được cấp tín dụng hoặc bên bảo đảm vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào với ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N mới thanh toán được cho ngân hàng 429.041đồng tiền lãi của hai hợp đồng. Từ ngày 05/4/2024, bà N vi phạm thời hạn trả nợ, do đó, ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán và ra thông báo thu hồi nợ trước hạn. Căn cứ vào thỏa thuận trên bà N phải trả số tiền gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, được tính quy định trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Do bà N vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh khoản nợ lãi nên yêu cầu của ngân hàng về việc yêu cầu bà N phải trả các khoản nợ lãi là có căn cứ.

[8] Tính đến hết ngày 18/5/2026, bà Nguyễn Thị N còn nợ ngân hàng theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số :078/2024/HĐTD/PVB-CNHP-PGDLHP ngày 05/02/2024 tổng số tiền của hai khoản vay là 60.285.201đồng, trong đó: khoản vay trả góp nợ gốc 29.166.000đồng, nợ lãi 14.870.542đồng (lãi trong hạn 5.931.646đồng, lãi quá hạn 8.938.896đồng); khoản vay thấu chi: nợ gốc: 10.000.000đồng, nợ lãi 6.248.659đồng (lãi trong hạn 421.702đồng, lãi quá hạn 5,826.957đồng). Bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi trên.

[9] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo

mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được Toà án chấp nhận. Trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số :078/2024/HĐTD/PVB-CNHP-PGDLHP ngày 05/02/2024 tính đến hết ngày 18/5/2026 tổng số tiền của hai khoản vay là hai khoản vay là 60.285.201đồng, trong đó: khoản vay trả góp nợ gốc 29.166.000đồng, nợ lãi 14.870.542đồng (lãi trong hạn 5.931.646đồng, lãi quá hạn 8.938.896đồng); khoản vay thấu chi: nợ gốc: 10.000.000đồng, nợ lãi 6.248.659đồng (lãi trong hạn 421.702đồng, lãi quá hạn 5,826.957đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 3.014.260đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.296.774đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0006373 ngày 18 tháng 12 năm 2025.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo Bản án: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương